

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58,071,131,178	54,814,929,452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,369,732,880	311,212,630
1. Tiền	111	V.1	1,369,732,880	311,212,630
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	750,000,000	2,100,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		750,000,000	2,100,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42,615,397,154	39,338,060,652
1. Phải thu khách hàng	131		124,702,728	89,535,228
2. Trả trước cho người bán	132		758,080,000	693,886,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		3,173,965,152	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	38,558,649,274	38,554,639,424
IV. Hàng tồn kho	140		12,605,338,000	12,600,000,000
1. Hàng tồn kho	141	V.4	12,605,338,000	12,600,000,000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		730,663,144	465,656,170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		69,927,208	26,916,209
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154	V.5	6,000,000	415,524
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		654,735,936	438,324,437
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		(61,272,355)	(3,829,979,918)
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		82,980,000	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	82,980,000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7,386,281,942	3,729,828,057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3,353,381,025	3,726,728,057
- Nguyên giá	222		7,556,418,231	7,556,418,231
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4,203,037,206)	(3,829,690,174)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	3,100,000
- Nguyên giá	228		71,000,000	71,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(71,000,000)	(67,900,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	4,032,900,917	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		(7,859,058,962)	(7,859,058,962)
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(7,859,058,962)	(7,859,058,962)
V. Tài sản dài hạn khác	260		328,524,665	299,250,987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	328,524,665	299,250,987
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		58,009,858,823	50,984,949,534

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9,419,940,560	4,797,668,922
I. Nợ ngắn hạn	310		9,419,940,560	4,797,668,922
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	-
2. Phải trả người bán	312		2,071,020,534	49,700,000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	944,564,119	1,282,831,977
5. Phải trả người lao động	315		389,336,149	646,778,507
6. Chi phí phải trả	316	V.17	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		3,173,965,152	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.18	1,951,621,385	1,928,925,217
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		872,440,000	872,440,000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16,993,221	16,993,221
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48,589,918,263	46,187,280,612
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	48,589,918,263	46,187,280,612
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,826,797,055	6,826,797,055
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11,763,121,208	9,360,483,557
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		58,009,858,823	50,984,949,534

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	V.24	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

ven

Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2017

Giám đốc



Phạm Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VNĐ

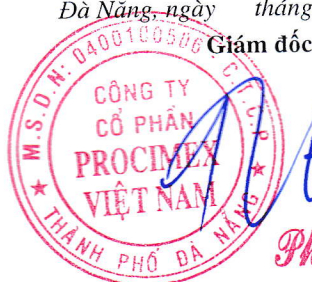
CHỈ TIÊU	M Ã	THUYẾT MINH	30/6/2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	9,339,444,167	21,041,584,299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	9,339,444,167	21,041,584,299
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	3,141,552,291	10,767,439,866
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,197,891,876	10,274,144,433
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	56,090,024	893,766,860
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	1,082,395	88,726,692
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,082,395	88,726,692
8. Chi phí bán hàng	24		-	364,405,555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,102,897,215	5,931,636,960
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,150,002,290	4,783,142,086
11. Thu nhập khác	31		44,050,545	966,698,059
12. Chi phí khác	32		102,795,453	1,027,427,042
13. Lợi nhuận khác	40		(58,744,908)	(60,728,983)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,091,257,382	4,722,413,103
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	618,251,476	1,053,571,009
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,473,005,906	3,668,842,094
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

uen



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: **B 03**
- **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2017

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0400100506

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Tỷ giá quy đổi: 0

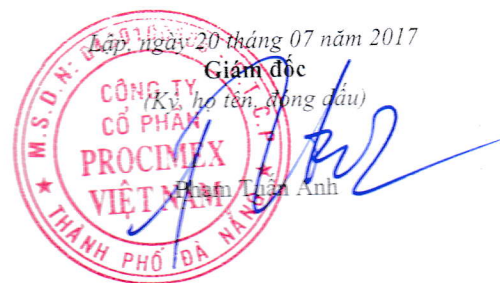
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		10.238.196.821	4.891.161.448
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.236.234.596)	(12.131.364.082)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.306.650.767)	0
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.082.395)	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(925.943.605)	(926.073.174)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.381.480.358	855.775.604
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.492.627.519)	(1.099.359.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.657.138.297	(8.409.859.738)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.004.708.060)	(215.454.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.350.000.000	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	2.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		56.090.013	892.710.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(598.618.047)	1.686.347.246
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	3.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(3.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0

Đầu chuyển tiền thuận trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1.058.520.250	(6.125.512.492)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	311.212.630	8.134.269.145
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	455.978
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.369.732.880	1.411.212.631

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ken

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn :

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần có, đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp), được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400100506 ngày 02 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 7 năm 2016

Theo đó, Vốn điều lệ đăng ký là: **30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn)**

Công ty có trụ sở đặt tại Tổ 112, Khối Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

2. Lĩnh vực kinh doanh: Chế biến, thương mại và dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Đà Nẵng cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- ❖ *Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt ;*
- ❖ *Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản ;*
- ❖ *Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy ngư nghiệp ;*
- ❖ *.....*

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014

-Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán : Kế toán trên máy vi tính

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1 Nguyên tắc phản ánh hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho : Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận : Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm: Giá thực tế phải trả; lãi tiền vay đầu tư cho tài sản cố định; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ; các chi phí sửa chữa, tân trang; chi phí lắp đặt, chạy thử, thuế và lệ phí trước bạ (nếu có) liên quan trực tiếp đến tài sản trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình : Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng . Thời gian khấu hao **phù hợp với qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC** của Bộ Tài chính ngày 25/04/2013

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn : bao gồm giá trị còn lại của đồ dùng quản lý, công cụ dụng cụ, các chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất được phân bổ dần và các chi phí trả trước khác được phân bổ trong thời gian tối đa là 02 năm.

Giá trị công cụ dụng cụ từ 10.000.000 -20.000.000 đồng được phân bổ trong vòng 12 tháng.

Giá trị công cụ dụng cụ từ 10.000.000- 30.000.000 đồng được phân bổ trong vòng 24 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn đăng ký góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản thuế TNDN phải nộp.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của công ty .

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

9.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

9.1.1 Doanh thu từ hoạt động bán hàng:

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

9.1.2 Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp các hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp Đánh giá phần công việc đã hoàn thành của các đội.

9.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí lãi vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các nghĩa vụ về thuế.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Các loại thuế và phí khác theo các quy định hiện hành.

V – THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ)

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Địa chỉ: Tổ 112, Khôì Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiêù, TP.Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

1 Tiền	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	57,450,627	3,299,369
Tiền gửi ngân hàng	1,312,282,253	307,913,261
Tổng cộng	1,369,732,880	311,212,630

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	750,000,000	2,100,000,000
Tổng cộng	750,000,000	2,100,000,000

3 Các khoản phải thu khách hàng	30/06/2017	01/01/2017
-Phải thu khách hàng	124,702,728	89,535,228
Tổng cộng	124,702,728	89,535,228

4 Hàng tồn kho	30/06/2017	01/01/2017
Hàng hoá tồn kho	12,605,338,000	12,600,000,000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12,605,338,000	12,600,000,000

5 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	30/06/2017	01/01/2017
Thuế TNCN	6,000,000	415,524
Tổng cộng	6,000,000	415,524

7 Phải thu dài hạn khác	30/06/2017	01/01/2017
Thẻ chấp, ký cược ký quỹ	82,980,000	-
Tổng cộng	82,980,000	-

8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư tại 01/01/2017	5,257,143,935	1,780,679,632	518,594,664	7,556,418,231
Số dư tại 30/06/2017	5,257,143,935	1,780,679,632	518,594,664	7,556,418,231
Giá trị hao mòn lũy kế				

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Số dư tại 01/01/2017	3,308,238,367	2,857,143	518,594,664	3,829,690,174
- Khấu hao trong kỳ	356,821,058	16,525,974		373,347,032
Số dư tại 30/06/2017	3,665,059,425	19,383,117	518,594,664	4,203,037,206
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	1,948,905,568	1,777,822,489	-	3,726,728,057
Tại ngày 30/06/2017	1,592,084,510	1,761,296,515	-	3,353,381,025

10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại 01/01/2017	71,000,000	71,000,000
Số dư tại 30/06/2017	71,000,000	71,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại 01/01/2017	67,900,000	67,900,000
- Khấu hao trong kỳ	3,100,000	3,100,000
Số dư tại 30/06/2017	71,000,000	71,000,000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	3,100,000	3,100,000
Tại ngày 30/06/2017	-	-
14 Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	328,524,665	299,250,987
Tổng cộng	328,524,665	299,250,987
16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2017	01/01/2017
Thuế giá trị gia tăng	313,137,251	362,054,646
Thuế TNDN	618,251,476	919,943,605
Thuế TNCN	13,175,392	620,726
Thuế tài nguyên		213,000
Tổng cộng	944,564,119	1,282,831,977
22 Vốn chủ sở hữu		
a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ ĐTPT	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
----------	---------------------------	----------	--------------------------	------

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Số dư tại 1/1/2016	30,000,000,000	6,826,797,055	5,691,641,464	42,518,438,519
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	3,668,842,094	3,668,842,094
Số dư tại 01/01/2017	30,000,000,000	6,826,797,055	9,360,483,557	46,187,280,612
- Lãi trong kỳ	-	-	2,402,637,650	2,402,637,650
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	30,000,000,000	6,826,797,055	11,763,121,207	48,589,918,263

b Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	30/06/2017	01/01/2017
Vốn góp của Bà Lương Thị Thuý Liên	4,200,000,000	4,200,000,000
Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	4,000,000,000	4,000,000,000
Vốn góp của Ông Nguyễn Văn Quý	4,416,000,000	4,416,000,000
Vốn góp của Ông Trần Công Ban	5,900,000,000	5,900,000,000
Cổ đông khác	11,484,000,000	11,484,000,000
Tổng cộng	30,000,000,000	30,000,000,000

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Vốn góp đầu năm	30,000,000,000	30,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	30,000,000,000	30,000,000,000

e Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	6,826,797,055	6,826,797,055
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Tổng cộng	6,826,797,055	6,826,797,055

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ)

25	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30/6/2017	Năm 2016
	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	9,339,444,167	21,041,584,299
	Tổng cộng	9,339,444,167	21,041,584,299

27	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30/6/2017	Năm 2016
	Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá		

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

		9,339,444,167	21,041,584,299
Tổng cộng		9,339,444,167	21,041,584,299
28	Giá vốn hàng bán	30/6/2017	Năm 2016
	Giá vốn của hàng hoá đã bán	3,141,552,291	10,767,439,866
	Tổng cộng	3,141,552,291	10,767,439,866
29	Doanh thu hoạt động tài chính	30/6/2017	Năm 2016
	Lãi tiền gửi ngân hàng	56,090,024	893,766,860
	Tổng cộng	56,090,024	893,766,860
30	Chi phí hoạt động tài chính	30/6/2017	Năm 2016
	Chi phí lãi vay	1,082,395	88,726,692
	Tổng cộng	1,082,395	88,726,692
31	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30/6/2017	Năm 2016
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành. (!!)	618,251,476	1,053,571,009
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	618,251,476	1,053,571,009

VIII Những thông tin khác

1 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30/06/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Giám đốc

Phạm Tuấn Anh